

Số: 352/TB-DAP2

Lào Cai, ngày 26 tháng 02 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc mời chào hàng cạnh tranh H₂SO₄ (nồng độ ≥ 60%)

Kính gửi:

Bên mời chào hàng - Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem tổ chức mời chào hàng cạnh tranh Gói mua sắm 8.000 tấn (± 10%) H₂SO₄ (nồng độ ≥ 60%) phục vụ sản xuất.

Nhà cung cấp có nguyện vọng tham gia chào hàng được nhận miễn phí 01 bộ Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh từ ngày 26 tháng 02 năm 2026, hạn nộp HSDX chậm nhất là 14.h00 ngày 03. tháng 03 năm 2026 (trong giờ hành chính, sáng từ 07h30 đến 11h30 - chiều từ 13h30 đến 16h30). Tại địa điểm sau:

Trụ sở chính: Công ty Cổ phần DAP số 2 – Vinachem.

Địa chỉ: Thôn 6, xã Tăng Loỏng, tỉnh Lào Cai.

Điện thoại: 0214.3767048 - Fax: 0214.3767047

Hồ sơ đề xuất sẽ được mở công khai vào 14.h15 (giờ Việt Nam), ngày 03. tháng 03 năm 2026 tại Trụ sở chính Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem.

Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem kính mời đại diện nhà thầu tới tham dự lễ mở thầu theo thời gian và địa điểm nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Lưu: VT.

**ĐẠI DIỆN BÊN MỜI CHÀO HÀNG
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Vũ Việt Tiến



CÔNG TY CỔ PHẦN DAP SỐ 2 - VINACHEM

HỒ SƠ YÊU CẦU

Chào hàng cạnh tranh Gói mua sắm 8.000 tấn ($\pm 10\%$) $H_2SO_4 \geq 60\%$

BÊN MỜI CHÀO HÀNG: CÔNG TY CỔ PHẦN DAP SỐ 2 - VINACHEM



ĐẠI DIỆN BÊN MỜI CHÀO HÀNG
TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Việt Tiến

Lào Cai, ngày 26 tháng 02 năm 2026

CHƯƠNG I

YÊU CẦU CỦA HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

Mục 1. Bên mời chào hàng

1. Tên bên mời chào hàng: Công ty cổ phần DAP số 2 -Vinachem (dưới đây gọi tắt là DAP2).

2. DAP2 mời các nhà cung cấp tham gia chào hàng cạnh tranh theo đơn hàng “Mua sắm 8.000 tấn ($\pm 10\%$) $H_2SO_4 \geq 60\%$ ”.

Việc mời chào hàng được thực hiện theo quy chế mua sắm nội bộ của DAP2 và các quy định pháp luật liên quan.

3. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định

Mục 2. Các yêu cầu về hàng hóa

Phạm vi công việc, yêu cầu của đơn hàng nêu tại Chương II của Hồ sơ yêu cầu chào hàng này.

Mục 3. Các yêu cầu về tư cách pháp nhân, năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp

Nhà cung cấp phải nộp các giấy tờ sau:

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện (*nếu có*), ...

2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng (Giấy uỷ quyền, quyết định bổ nhiệm hoặc văn bản tương đương).

3. Tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm:

- Báo cáo tài chính năm 2023, 2024 (nộp cơ quan thuế có thông báo của cơ quan thuế hoặc kiểm toán).

Đối với các nhà cung cấp là liên danh: yêu cầu phải đáp ứng với hồ sơ năng lực theo thỏa thuận liên danh được các bên ký để tham gia chào hàng.

Mục 4. Các yêu cầu về thương mại

1. Giá, thuế, phí, lệ phí

a) Giá chào

Giá chào là giá do nhà cung cấp ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện đơn hàng tại địa điểm giao hàng theo yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu chào hàng, bao gồm cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà cung cấp chào giá không bao gồm thuế, phí, lệ phí (*nếu có*) thì Hồ sơ chào hàng của nhà cung cấp sẽ bị loại. Nhà cung cấp chào đơn giá hàng hóa theo Mẫu số 3 Chương III – Biểu mẫu của Hồ sơ mời chào hàng này.

b) Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể theo hình thức thu giảm giá riêng hoặc ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm DAP2 nhận được

trước thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất. Thư giảm giá gửi sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất sẽ không được chấp nhận.

c) Nhà cung cấp chào hàng toàn bộ khối lượng của đơn hàng hoặc có thể chào tối thiểu 3.000 tấn trở lên trong phạm vi của HSYC.

d) Nhà cung cấp chào tại địa điểm giao hàng: Giao hàng tại kho DAP2

2. Địa điểm và thời gian giao hàng

a) Giao hàng tại kho DAP2 (KCN Tăng Loỏng, Xã Tăng Loỏng, tỉnh Lào Cai).

b) Thời gian giao hàng: Dự kiến giao hàng đến hết ngày 30/04/2026.

3. Hình thức thanh toán: Thanh toán theo từng đợt. Thời hạn thanh toán cụ thể sẽ được quy định chi tiết trong Hợp đồng ký kết giữa hai bên.

4. Nguồn gốc, xuất xứ.

Hàng hoá được chào phải thể hiện rõ nguồn gốc, xuất xứ.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong chào hàng

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào hàng.

2. Đồng tiền tham gia chào hàng là VND.

Mục 6. Nội dung Hồ sơ đề xuất chào hàng

Nhà cung cấp phải chuẩn bị tối thiểu 01 bản Hồ sơ đề xuất chào hàng bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01, Biểu giá theo Mẫu số 03, Chương III - Biểu mẫu;

2. Nhà cung cấp phải nộp Hồ sơ đề xuất có đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 03 Chương III - Biểu mẫu, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

3. Các tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân, năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp theo quy định tại Mục 3 của Hồ sơ mời chào hàng này.

4. Thỏa thuận liên danh (nếu có)

Mục 7. Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ đề xuất

Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ đề xuất là 30 ngày, kể từ thời điểm hết hạn nộp HSDX là 14h00 ngày 03. tháng 03 năm 2026 theo quy định tại Thông báo mời chào hàng.

Mục 8. Nộp, tiếp nhận, mở Hồ sơ đề xuất

Hồ sơ đề xuất phải được nộp trong phong bì dán kín, có niêm phong về địa chỉ: Phòng Kinh tế – Công ty Cổ phần DAP số 2 – Vinachem, địa chỉ Thôn 6, xã Tăng Loỏng, tỉnh Lào Cai theo quy định tại Thông báo mời chào hàng, và ghi rõ “Hồ sơ CHCT cung

cấp H₂SO₄, không mở trước 14 h15 ngày 03. tháng 03. năm 2026”; hoặc gửi bản scan màu qua địa chỉ email vanthu.dap2@gmail.com, không muộn hơn 14 h00 ngày 03. tháng 03. năm 2026. Các Hồ sơ đề xuất được gửi đến DAP2 sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất sẽ không được xem xét.

Các Hồ sơ chào hàng được gửi đến DAP2 sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào hàng đề xuất sẽ không được xem xét.

2. Các Hồ sơ đề xuất sẽ được mở công khai tại Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem theo thời điểm quy định tại Thông báo mời chào hàng.

3. Các thông tin về nội dung chủ yếu của Hồ sơ đề xuất của các nhà cung cấp bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà cung cấp, giá chào, thời gian có hiệu lực của Hồ sơ đề xuất,... sẽ được lập thành một biên bản chung để làm cơ sở đánh giá lựa chọn nhà cung cấp.

4. DAP2 chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong các Hồ sơ đề xuất cho đến khi công bố kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

Mục 9. Đánh giá Hồ sơ đề xuất và thương thảo hợp đồng

Việc đánh giá Hồ sơ đề xuất được thực hiện theo các quy định dưới đây:

9.1 Đánh giá sơ bộ

a) Kiểm tra tính hợp lệ và xem xét sự đáp ứng của Nhà cung cấp.

- Số lượng của Hồ sơ đề xuất;
- Tài liệu chứng minh tư cách hợp pháp của Nhà cung cấp;
- Đơn chào hàng phải kí tên, đóng dấu của người đại diện hợp pháp;
- Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương III – Biểu mẫu (nếu có);
- Biểu đơn giá theo Mẫu số 3 Chương III – Biểu mẫu;
- Hiệu lực của Hồ sơ đề xuất theo mục 7 Chương I của Hồ sơ mời chào hàng này.
- Thỏa thuận Liên danh theo mẫu số 4 Chương III – Biểu mẫu (nếu có).
- Nhà cung cấp không có tên trong 2 hoặc nhiều hồ sơ chào hàng với tư cách là nhà cung cấp chính.

b) Loại bỏ Hồ sơ đề xuất

Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp sẽ bị loại bỏ nếu không đáp ứng được một trong các nội dung trên.

9.2 Đánh giá về năng lực, kinh nghiệm

Các Hồ sơ đề xuất vượt qua bước Đánh giá sơ bộ sẽ được tiếp tục xem xét, đánh giá trong bước Đánh giá về năng lực.

Các tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của Nhà cung cấp được sử dụng theo tiêu chí “Đạt” và “Không đạt”. Nhà cung cấp phải đạt cả 02 nội dung chính 1, 2 nêu tại bảng sau thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm.



TT	Nội dung	Kết quả đánh giá
1.	Kinh nghiệm Nhà cung cấp	
1.1.	Kinh nghiệm chung về hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực hóa chất	
1.1.1.	Đối với Nhà cung cấp là nhà sản xuất	
	Có giấy phép/điều kiện kinh doanh hóa chất hợp pháp	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
1.1.2.	Đối với tất cả các nhà cung cấp là công ty thương mại	
	Có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp được cơ quan chức năng cấp phép (cụ thể là H ₂ SO ₄)	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
2.	Năng lực tài chính trong 02 năm 2023, 2024	
	Doanh thu trung bình hàng năm trong 02 năm 2023, 2024 của Nhà cung cấp đạt từ 16,9 tỷ đồng trở lên	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt

9.3 Đánh giá về kỹ thuật

DAP2 đánh giá theo các yêu cầu về kỹ thuật nêu trong Hồ sơ yêu cầu chào hàng đối với các hồ sơ đề xuất đã vượt qua bước Đánh giá sơ bộ và bước Đánh giá về năng lực. Việc đánh giá chi tiết về mặt kỹ thuật được thực hiện bằng phương pháp đánh giá theo tiêu chí “Đạt”, “Không đạt” đối với danh mục hàng hóa chào. Hồ sơ đề xuất sẽ vượt qua bước đánh giá chi tiết về mặt kỹ thuật khi tất cả yêu cầu về kỹ thuật đều được đánh giá là “Đạt”.

Chi tiết về tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật như nêu tại Chương II của Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh này.

HSDX của Nhà cung cấp là “Đạt” đối với tiêu chuẩn trong các mục kể trên sẽ được coi là “Đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật” và được đưa vào đánh giá ở bước tiếp theo.

9.4 Đánh giá về giá

Các HSDX vượt qua bước Đánh giá về kỹ thuật sẽ được tiếp tục xem xét, đánh giá trong bước Đánh giá về giá.

Sử dụng phương pháp giá đánh giá để xác định giá đánh giá thấp nhất.

- Cách xác định đơn giá đánh giá thấp nhất như sau:

+ Đơn giá đánh giá

+ Xếp hạng các HSDX theo đơn giá đánh giá thấp nhất.

Hồ sơ đề xuất có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và được mời vào thương thảo hợp

đồng.

Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng và phụ lục hợp đồng. Trường hợp thương thảo không thành công, DAP2 tự xem xét, quyết định mời nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

9.5 Làm rõ Hồ sơ đề xuất

Trong quá trình đánh giá, DAP2 có quyền yêu cầu Nhà cung cấp làm rõ HSDX. Việc làm rõ không được làm thay đổi nội dung cơ bản và giá chào.

9.6 Sửa lỗi số học, hiệu chỉnh sai lệch

DAP2 thực hiện sửa lỗi số học và hiệu chỉnh sai lệch theo nguyên tắc quy định trong HSYC để xác định giá đánh giá.

Mục 10. Quyết định lựa chọn nhà cung cấp

Nhà cung cấp được xem xét, quyết định lựa chọn cung cấp nguyên liệu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Hồ sơ đề xuất đáp ứng tất cả các yêu cầu trong Hồ sơ yêu cầu chào hàng.
2. Được xem xét đề nghị cung cấp hàng hoá theo xếp hạng các Hồ sơ đề xuất từ thứ nhất đến các thứ hạng tiếp theo.
3. Thương thảo hợp đồng thành công.

Mục 11. Thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp

1. Kết quả lựa chọn nhà cung cấp sẽ được gửi đến tất cả nhà cung cấp tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax, email hoặc điện thoại.
2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp, nếu nhà cung cấp không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, DAP2 sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp.

CHƯƠNG II

PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA ĐƠN HÀNG

Nhà cung cấp phải cung cấp hàng hóa theo đúng nội dung yêu cầu dưới đây:

1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật

- Tên đơn hàng: Mua sắm 8.000 tấn ($\pm 10\%$) H_2SO_4 ;
- Tên vật tư: H_2SO_4
- Đặc tính kỹ thuật: Axit nồng độ $\geq 60\%$ H_2SO_4
- Dạng: Loãng

2. Yêu cầu về khối lượng, tiến độ cung cấp, địa điểm giao nhận hàng hóa

- Khối lượng: 8.000 tấn ($\pm 10\%$). (khối lượng tối thiểu 3.000 tấn trở lên trong phạm vi của đơn hàng).
- Tiến độ cung cấp hàng hóa: Dự kiến giao hàng đến hết 30/04/2026. Thời gian giao 24/24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần.
- Địa điểm giao hàng: Giao hàng tại kho DAP2 (KCN Tăng Loỏng, tỉnh Lào Cai).

CHƯƠNG III BIỂU MẪU

Mẫu số 01. Đơn chào hàng

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên đơn hàng: _____ [Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào hàng]

Số hiệu đơn hàng: _____ [Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ mời chào hàng]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của DAP2]

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ mời chào hàng mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà cung cấp], cam kết thực hiện đơn hàng _____ [Ghi tên và số hiệu đơn hàng] theo đúng yêu cầu của Hồ sơ mời chào hàng với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của đơn hàng].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ chào hàng cạnh tranh này.
2. Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của Pháp luật.

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực của HSDX.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày _____ [Ghi thời điểm, ngày, tháng, năm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 2. Giấy ủy quyền

GIẤY ỦY QUYỀN

Hôm nay, ngày ___ tháng ___ năm ___, tại _____

Tôi là _____ (Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của Nhà cung cấp), là người đại diện theo pháp luật của _____ (Ghi tên Nhà cung cấp) có địa chỉ tại _____ (Ghi tên địa chỉ của Nhà cung cấp) bằng văn bản này ủy quyền cho _____ (Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền) thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chào hàng cung cấp các vật tư do DAP2 tổ chức:

(- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với DAP2 trong quá trình tham gia chào hàng, kể cả văn bản giải trình, làm rõ Hồ sơ chào hàng;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng.)

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của _____ (Ghi tên Nhà cung cấp). _____ (Ghi tên Nhà cung cấp) chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do _____ (Ghi tên người được ủy quyền) thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực từ ngày _____ đến ngày _____. Giấy ủy quyền này được lập thành _____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ _____ bản, người được ủy quyền giữ _____ bản.

Người được ủy quyền

(Ghi tên, chức danh, ký tên, đóng dấu)

Người ủy quyền

(Ghi tên người đại diện theo pháp luật của Nhà cung cấp, chức danh, ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 3. Biểu chào giá

BIỂU GIÁ CHÀO

1. Tên hàng hoá, khối lượng, chất lượng, giá cả:

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính/ yêu cầu kỹ thuật/ chất lượng	Khối lượng (Tấn)	Đơn giá (đ/tấn)	Thành tiền (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)		(5)
1	H ₂ SO ₄	H ₂ SO ₄ có nồng độ ≥ 60% H ₂ SO ₄			
Thuế GTGT 8%:					
Tổng cộng:					

2. Giá chào bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện đơn hàng tại địa điểm giao hàng (nhà máy DAP2), bao gồm cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác.

3. Nguồn gốc, xuất xứ: (Xem tại điểm 4 mục 4 chương I)

4. Giao hàng: (Xem tại điểm 2 mục 4 chương I)

5. Thanh toán: (Xem tại điểm 3 mục 4 chương I)

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 4. Thỏa thuận liên danh

THỎA THUẬN LIÊN DANH

_____, ngày . tháng . năm _____

Hồ sơ chào hàng: _____ [Ghi tên gói chào hàng]

Căn cứ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ];

Căn cứ hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh _____ [Ghi tên gói chào hàng] phát hành ngày ____ [ghi ngày được ghi trên HSYCCH];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại, số fax _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự hồ sơ chào hàng _____ [Ghi tên gói chào hàng] thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến hồ sơ chào hàng này là: _____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia hồ sơ chào hàng này. Trường hợp trúng chào giá, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên khác trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác _____ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện hồ sơ đề xuất _____ [Ghi tên gói chào hàng] thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ [*Ghi tên một bên*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau ⁽³⁾:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời chào hàng trong quá trình tham dự chào hàng, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYCCH và văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà cung cấp có kiến nghị;

*- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [*Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].*

2. Các thành viên trong liên danh thống nhất phân công công việc như bảng sau:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá chào
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
....		
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói chào hàng	

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà cung cấp liên danh không trúng chào hàng;

*- Hủy hồ sơ đề xuất ____ [*Ghi tên gói chào hàng*] theo thông báo của bên mời chào hàng.*

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ ____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 5. Dự thảo hợp đồng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HỢP ĐỒNG MUA BÁN

Số: /2026/HĐM/DAP2.

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam;

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2025 tại văn phòng Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem, chúng tôi gồm:

BÊN MUA : CÔNG TY CỔ PHẦN DAP SỐ 2 – VINACHEM (BÊN A)

Địa chỉ : Thôn 6, xã Tăng Loong, tỉnh Lào Cai

Điện thoại : 0203767048 - Fax:0203767047

Mã số thuế : 5300265969

Tài khoản : 030076699999 tại ngân hàng Sacombank Lào Cai

Đại diện : Ông Vũ Việt Tiến – Chức vụ: Tổng Giám đốc

BÊN BÁN : (BÊN B)

Địa chỉ :

Điện thoại :

Mã số thuế :

Tài khoản :

Đại diện :

Hai bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng mua bán Axit Sunfuric (H_2SO_4) với các điều khoản cụ thể như sau:

Điều 1: TÊN HÀNG HOÁ, QUY CÁCH PHẨM CHẤT:

- Tên hàng hóa: Axit Sunfuric (H_2SO_4)

- Quy cách, phẩm cấp: Axit Sunfuric (H_2SO_4) mà bên B bán cho bên A có nồng độ $\geq 98\% H_2SO_4$.

Điều 2: KHỐI LƯỢNG, ĐƠN GIÁ VÀ GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

2.1. Khối lượng: 8.000 tấn $\pm 10\%$ tấn H_2SO_4 có nồng độ $\geq 60\% H_2SO_4$

2.2. Đơn giá: Đơn giá cố định áp dụng trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng đối với H_2SO_4 có nồng độ $\geq 60\% H_2SO_4$ là đồng/tấn (Bằng chữ:).

Đơn giá trên chưa bao gồm VAT, giao hàng tại kho bên A (Kho Nhà máy DAP số 2, KCN Tăng Loong, tỉnh Lào Cai).

Điều 3: PHƯƠNG THỨC VÀ THỜI GIAN GIAO NHẬN

3.1. Phương thức giao nhận hàng hóa: Khối lượng hàng hóa giao nhận được xác định bằng phương pháp cân ô tô tại trạm cân điện tử của bên A với hàm lượng axit thực tế tại địa điểm giao hàng.

Sau giao nhận, hai bên tiến hành lập Biên bản xác nhận khối lượng, chất lượng hàng hóa đã được giao nhận. Biên bản này là cơ sở hoàn thiện hồ sơ thanh toán.

3.2. Địa điểm giao/nhận hàng hóa: Tại kho bên A.

3.3. Thời gian giao nhận: Dự kiến kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/04/2026.

3.4. Kiểm tra chất lượng hàng hóa:

Theo chất lượng phân tích của bên A. Hoặc hai bên cùng thuê bên thứ 3 có đủ chức năng, nhiệm vụ để kiểm tra chất lượng trong trường hợp có tranh chấp.

Bên A lấy mẫu phân tích theo từng chuyến xe nhập hàng đảm bảo nồng độ axit $H_2SO_4 \geq 60\%$ trước khi bơm vào bồn chứa của bên A.

Trường hợp nồng độ $H_2SO_4 < 60\%$ và $\geq 59\%$ hai bên tiến hành giảm trừ khối lượng của xe hàng đó tương ứng với mức giảm nồng độ H_2SO_4 . Giá bán tính theo công thức:

$$A = \frac{B}{D} \times C$$

Trong đó:

+ A: là đơn giá axit theo hàm lượng thực tế được hai bên thống nhất dùng để thanh toán (đồng/tấn)

+ B: Là đơn giá axit theo hợp đồng tại nồng độ 60% H_2SO_4 ;

+ C: Là hàm lượng axit thực tế theo kết quả phân tích của bên A;

+ D: Là hàm lượng axit tiêu chuẩn (D= 60%)

(Nếu nồng độ $H_2SO_4 < 59\%$ thì bên A có quyền từ chối nhận hàng và bên B phải chịu các chi phí phát sinh liên quan nếu có)

Điều 4: THANH TOÁN

4.1. Thanh toán: Chuyển khoản bằng tiền Việt Nam đồng hoặc bù trừ công nợ.

Trường hợp thanh toán bằng chuyển khoản, Bên A thanh toán 100% giá trị hàng hóa giao nhận của Bên B theo từng đợt (*thời hạn thanh toán cụ thể sẽ được quy định chi tiết trong Hợp đồng ký kết giữa hai bên*) và bên A nhận đủ bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

4.2. Bộ chứng từ thanh toán bao gồm:

Biên bản xác nhận khối lượng, chất lượng, giá trị thanh toán ký giữa 02 bên;

Hóa đơn tài chính do bên bán xuất;

Các chứng từ khác (nếu có).

Điều 5: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

5.1. Trách nhiệm bên A:

Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm của bên mua được quy định trong Hợp đồng này;

Thanh toán tiền mua hàng hóa cho bên B theo đúng quy định tại Hợp đồng này;

Tổ chức nhận hàng từ xe xi téc chuyên dụng hoặc dụng cụ chuyên dụng của bên B tại kho bên A.

5.2. Trách nhiệm bên B:

Bên B có trách nhiệm giao hàng hóa cho Bên A đúng số lượng, chất lượng, thời hạn đã ghi trong Hợp đồng và các cam kết đã nêu trong Hồ sơ đề xuất;

Thông báo kịp thời cho bên A trong trường hợp xảy ra sự cố dẫn đến không đáp ứng đủ hàng hóa theo quy định của hợp đồng;

- Phối hợp với người đại diện của bên A giải quyết các vấn đề vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng;

- Bên B hoàn toàn tự chịu trách nhiệm về việc sở hữu hợp pháp về hàng hóa và tuân thủ các quy định của Pháp luật hiện hành về kinh doanh hàng hóa thuộc Hợp đồng này. Chịu trách nhiệm về việc vận chuyển axit H₂SO₄ và các vấn đề liên quan trước pháp luật cho đến khi hàng hóa được giao cho Bên A.

Chịu trách nhiệm đền bù thiệt hại cho bên A nếu người và phương tiện của bên B đến giao hàng không đảm bảo, gây mất an toàn cho người và thiết bị của bên A trong phạm vi Nhà máy của bên A;

Xuất hóa đơn tài chính cho bên A theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam và phải hoàn toàn tự chịu trách nhiệm về các hậu quả pháp lý do hóa đơn bên B lập.

Điều 6. PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

6.1 Phạt về giao hàng hóa không đủ khối lượng theo hợp đồng: Bên B bị phạt 8% đối với giá trị của phần khối lượng hàng hóa không giao đủ. Ngược lại nếu bên A không nhận hết khối lượng theo quy định của hợp đồng thì bị phạt 8% đối với giá trị của phần khối lượng hàng hóa không nhận đủ.

6.2. Phạt về không thanh toán đúng thời hạn hợp đồng: Nếu bên A chậm thanh toán thì sẽ phải trả bên B tiền chậm thanh toán bằng lãi suất 6,0%/năm (lãi đơn) đối với giá trị chậm thanh toán.

Điều 7: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

- Các trường hợp bất khả kháng của Hợp đồng bao gồm: thiên tai (lũ lụt, động đất, hỏa hoạn, phun trào núi lửa, sóng thần); dịch họa; tội phạm; nổi loạn; khởi nghĩa; nổi dậy; bom mìn còn sót lại sau chiến tranh; khủng bố; hành động của kẻ thù nước ngoài; thù nghịch (có hoặc không có tuyên bố chiến tranh); chiến tranh; sức mạnh quân sự; tiềm nghịch; sung công; quốc hữu hóa; trừng phạt của chính quyền; bao vây; cấm vận; tranh chấp lao động; bãi công; đình công; đóng cửa doanh nghiệp.

- Trong vòng 24 giờ kể từ khi có bất khả kháng xảy ra, hai Bên phải thông báo cho nhau bằng văn bản để hai Bên bàn bạc tìm biện pháp giải quyết. Sau khi chấm dứt

các trường hợp bất khả kháng, các bên phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng.

Điều 8: TRỌNG TÀI

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu xảy ra tranh chấp, trong vòng 10 ngày hai bên sẽ tiến hành thương lượng, đàm phán để giải quyết. Nếu không giải quyết được thì trong vòng 30 ngày, kể từ ngày kết thúc thương lượng, đàm phán hai bên sẽ đưa đơn đến Tòa án có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật để giải quyết. Phán quyết của Tòa là phán quyết cuối cùng, có hiệu lực đối với cả hai bên.

Điều 9: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

9.1. Không bên nào có quyền sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này khi không có sự đồng ý của bên kia. Mọi sửa đổi, bổ sung chỉ có hiệu lực khi được hai bên đồng ý bằng văn bản.

9.2. Nếu bên nào đơn phương huỷ bỏ hoặc chấm dứt Hợp đồng không có lý do chính đáng mà không được sự đồng ý của bên kia thì phải bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại do việc đơn phương huỷ bỏ hoặc chấm dứt Hợp đồng gây ra cho bên kia.

9.3 Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi các bên hoàn thành nghĩa vụ của mình theo hợp đồng và không có tranh chấp phát sinh thì hợp đồng coi như được thanh lý.

9.4. Hai bên đồng ý ký kết Hợp đồng này với các điều kiện, điều khoản nêu trên.

Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 02 bản để làm căn cứ thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN

ĐẠI DIỆN BÊN MUA

